

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HS-ST
Ngày 09-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Minh

Bà Hoài Thị Hà Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2022/TLST-HS ngày 01/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HS ngày 26/7/2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn T sinh ngày 11/8/1998 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phạm Thị G; không xác định được họ tên cha; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Anh Bùi Văn T sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và anh Bùi Văn T, sinh năm 1998, anh Bùi Văn T, sinh năm 1997, cùng trú tại thôn V, xã T, huyện V thuê phòng ở trọ tại thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 25/01/2022, T ngủ dậy thấy trong phòng không có ai, T phát hiện trong áo khoác bò của anh T đang treo ở trong phòng có 18.000.000 đồng, bao gồm 36 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt 2.000.000 đồng để trả nợ. T lấy 2.000.000 đồng trong túi áo khoác bò của anh T, rồi mang ra nhờ cửa hàng chuyển tiền (không nhớ địa chỉ) nhờ

một người dân không quen biết sử dụng dịch vụ Internet Banking để chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MB bank, số tài khoản 9704229238711100 của T rồi trở về phòng trọ. Sau khi có tiền trong tài khoản, T sử dụng điện thoại chuyển qua dịch vụ Internet Banking chuyển vào số tài khoản của anh Nguyễn Bình D, sinh năm 1999, ở thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương số tiền 1.200.000 đồng để trả nợ. T tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền còn lại 16.000.000 đồng của anh T. Đến 19 giờ 20 phút cùng ngày, anh T phát hiện bị mất tiền và hỏi nhưng T trả lời là không biết. Sau đó, T điều khiển xe mô tô mang theo số tiền chiếm đoạt được của anh T đi về huyện Vĩnh Bảo. Trên đường đi, T vào cửa hàng có dịch vụ chuyển tiền ở huyện An Lão nhờ một người không quen biết sử dụng dịch vụ Internet banking chuyển 2.000.000 đồng vào số tài khoản 9704229238711100 tại ngân hàng MB Bank của T. Khi đến thị trấn Vĩnh Bảo, T vào cửa hàng điện thoại Tuấn Hải gặp và nhờ chị Nguyễn Thị M chuyển 12.000.000 đồng chuyển vào số tài khoản 9704229238711100 tại ngân hàng MB Bank của T qua dịch vụ Internet Banking. Số tiền 2.000.000 đồng còn lại, T dùng để chi tiêu cá nhân. Sau đó, từ tài khoản ngân hàng của T, T sử dụng điện thoại của mình thao tác qua dịch vụ Internet Banking lần lượt chuyển vào số tài khoản 211820593619 tại ngân hàng Agribank là số tài khoản của chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1999, ở thôn Từ Lâm, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo số tiền 3.200.000 đồng để trả nợ; chuyển vào số tài khoản 103873431078 tại ngân hàng Vietinbank là số tài khoản của anh Đỗ Duy L, ở thôn Tân Nội, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo số tiền 1.200.000 đồng để trả nợ; chuyển vào là số tài khoản của chị Trần Thị T, ở thôn Từ Lâm, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo số tiền 2.000.000 đồng để trả nợ; chuyển vào số tài khoản 19037129223016 tại ngân hàng Techcombank là số tài khoản của anh Đào Minh P, sinh năm 2001, ở thôn Lươn Trạch, xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo số tiền 1.500.000 đồng để trả nợ. Đến khoảng 7 giờ 20 phút ngày 26/01/2022 T đến nhà anh Phạm Ngọc K ở thôn Từ Lâm, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo trả anh K số tiền 1.450.000 đồng. Số tiền còn lại T sử dụng chơi game và ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 26/01/2022, anh T trình báo Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã triệu tập Phạm Văn T. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền của anh T như đã nêu trên. Biết số tiền T trả nợ là do trộm cắp mà có, anh K, chị N, anh L, chị T và chị P đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 9.350.000 đồng do anh K, chị N, anh L, chị T và chị P giao nộp đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương quản lý.

Về dân sự: Số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường cho anh T đầy đủ, anh T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Số tiền T vay của chị T, anh K, anh L, T đã trả đủ cho chị T, anh K, L.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày thống nhất về hành vi như đã nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo không có cha, mẹ già yếu, bệnh tật, bị cáo là lao động D nhất để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Cáo trạng số 59/2022/CT-VKS ngày 29/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; trả lại cho bị cáo số tiền 9.350.000 đồng đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương ngày 05/7/2022; bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Nói lời sau cùng bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện; mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật và giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Hành vi ngày 25/01/2022, tại phòng trọ thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, Phạm Văn T lợi dụng sơ hở đã lén lút chiếm đoạt của anh Bùi Văn T 02 lần tổng số tiền 18.000.000 đồng (lần 1 chiếm đoạt 2.000.000 đồng, lần 2 chiếm đoạt 16.000.000 đồng) là phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội được loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều đủ cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt: Các lần bị cáo phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, công việc ổn định, nhất thời phạm tội và có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vậy nên xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; áp dụng Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo. Khoản 5 Điều 173 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, do hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại đầy đủ số tiền chiếm đoạt. Sau khi anh K, chị N, anh L, chị T, chị P nộp lại số tiền bị cáo chiếm đoạt mà có để trả nợ; bị cáo đã dùng tiền cá nhân trả nợ cho các anh chị đầy đủ. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị được nhận lại số tiền 9.350.000 đồng để khắc phục khó khăn nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Bị hại không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không xét. Chị M, chị N, chị P, chị T, anh K, anh L, anh D đều không biết nguồn gốc số tiền là do T trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp pháp luật. Do được áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạm Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

- Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

- Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã

nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

- Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

- Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Văn T.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo số tiền 9.350.000 đồng (chi tiết tại Giấy nộp tiền vào tài khoản số 359101077980 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương ngày 05/7/2022).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA huyện An Dương;
- Cơ quan THAHSCA huyện An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PC10, PV06 CATP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng